

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình  
Cấp nước sinh hoạt xã Trung Thành, huyện Tràng Định**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra đề nghị phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành số 514/BC-STC ngày 28/10/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

1. Tên công trình: Cấp nước sinh hoạt xã Trung Thành, huyện Tràng Định.
2. Chủ đầu tư: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn.
3. Địa điểm xây dựng: xã Trung Thành, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.
4. Thời gian khởi công: tháng 11/2020; hoàn thành: tháng 6/2023.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt
<b>Tổng số</b>		<b>1.865.438.735</b>	<b>1.857.817.000</b>
1	Xây dựng	1.338.555.161	1.333.890.000
2	Chi phí thiết bị	267.960.000	266.600.000
3	Chi phí quản lý dự án	32.389.535	32.208.000
4	Tư vấn	201.561.926	201.279.000
5	Chi phí khác	23.916.123	23.840.000
6	Dự phòng	1.055.990	

## 2. Vốn đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
	<b>Tổng số</b>	<b>1.865.438.735</b>	<b>1.857.817.000</b>	<b>1.820.854.000</b>	<b>39.272.000</b>	<b>2.309.000</b>
1	Vốn đầu tư công:	1.865.438.735	1.857.817.000	1.820.854.000	39.272.000	2.309.000
-	Vốn NSTW (Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng thế giới (WB))	1.865.438.735	1.672.035.300	1.638.768.600	35.344.800	2.078.100
-	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh		185.781.700	182.085.400	3.927.200	230.900
2	Vốn khác:	0	0	0	0	0

## 3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
		Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
<b>Tổng số</b>				<b>1.857.817.000</b>	
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			1.857.817.000	
2	Tài sản ngắn hạn			0	

## 4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

**Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Được phép tất toán nguồn vốn và chi phí đầu tư là

Số TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
<b>Tổng số</b>		<b>1.857.817.000</b>	
1	Nguồn vốn đầu tư công:	0	
-	Vốn NSTW (Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB)):	1.672.035.300	
-	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh:	185.781.700	
2	Nguồn vốn khác (Ngân sách tỉnh):		

b) Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán:

- Tổng nợ phải thu: 2.309.000 đồng.
- Tổng nợ phải trả: 39.272.000 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này).

c) Thực hiện bàn giao tài sản, hồ sơ công trình cho đơn vị tiếp nhận tài sản theo quy định.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản

a) Được phép ghi tăng tài sản

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1	Ủy ban nhân dân xã Trung Thành, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn	1.857.817.000	0

b) Thực hiện ghi chép sổ sách kế toán, lưu trữ hồ sơ, quản lý, khai thác và bảo trì tài sản được giao theo quy định hiện hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trảng Định, Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Chủ tịch UBND xã Trung Thành, huyện Trảng Định và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(PVĐ).



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lương Trọng Quỳnh**

**Phụ lục 01**

**TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN**

*(Kèm theo Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 06 / 11 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>Tổng số</b>		<b>1.857.817.000</b>	<b>1.820.854.000</b>	<b>39.272.000</b>	<b>2.309.000</b>	
1	Liên danh Công ty CP xây dựng Đông Bắc Lạng Sơn và Công ty CP xây dựng Phương Nam	Chi phí xây dựng	1.333.890.000	1.336.199.000		2.309.000	
2	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và Thương mại An Bình Phát	Chi phí thiết bị	266.600.000	266.600.000			
3	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh MTNT	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả đấu thầu	2.000.000	2.000.000			
		Chi phí quản lý dự án	32.208.000	23.387.000	8.821.000		
4	Công ty cổ phần tư vấn đầu tư phát triển Cửa Đông	Chi phí khảo sát, lập Báo cáo KTKT	161.283.000	149.891.000	11.392.000		
5	Công ty TNHH MTV Minh Sơn Lạng Sơn	Chi phí giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	36.596.000	34.600.000	1.996.000		
6	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thành Nam	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá HSDT	3.400.000	3.400.000			
7	Sở Xây dựng	Phí thẩm định báo cáo KTKT	186.000	177.000	9.000		
8	Công ty Bảo Việt Lạng Sơn	Chi phí bảo hiểm công trình	4.600.000	4.600.000			
9	Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	10.604.000		10.604.000		
10	Trung tâm Giám định chất lượng và Quy hoạch xây dựng Lạng Sơn	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	6.450.000		6.450.000		